TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Tân
Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Liên
Ông Nguyễn Văn Khóa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 03/3/2020, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/6/2020,Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2020/QĐ-ST ngày 03/7/2020 giữa:

1.Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Nh**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Ma Cao, Trung Quốc.

Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Nh: Chị Phạm Thị Nh1, sinh năm 1970.

Địa chỉ : Thôn D, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Đông Ph**, sinh năm 1969.

HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai Nguyên đơn chị Phạm Thị Nh trình bày: Chị và anh Đỗ Đông Ph tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N,tỉnh Hải Dương ngày 02/3/1993. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Phong rượu chè, cờ bạc, không quan tâm chăm sóc vợ con và thường xuyên đánh đập chị, nhưng chị cố chịu đựng vì các con. Do kinh tế khó khăn, năm 2014 chị đi xuất khẩu lao động tại Ma Cao - Trung Quốc, vợ chồng

không quan tâm đến nhau, hai bên không tìm thấy tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ph.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Đỗ Công Đ, sinh ngày 24/6/1994 và Đỗ Thu Ph, sinh ngày 28/01/2003. Hiện con chung Đỗ Công Đ đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Con chung Đỗ Thu Ph hiện đang ở cùng anh Ph. Chị Nh có nguyện vọng được nuôi con, nếu anh Ph có nguyện vọng được nuôi con chị đồng ý và có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh xã Đ, huyện Ninh Gi thể hiện: Anh Ph, chị Nh có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, anh Ph hiện đang sinh sống tại xã Đ, chị Nh đang lao động tại nước ngoài, không có mặt tại Việt Nam. Anh Ph, chị Nh sau khi kết hôn sống hạnh phúc một thời gian, do khi kinh tế khó khăn, làm ăn thua lỗ dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chính quyền địa phương đã nhiều lần xuống hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nh có đơn ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án lấy lời khai của bà Trần Thị H là mẹ đẻ anh Ph thể hiện: Trong cuộc sống vợ chồng anh Ph, chị Nh thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn, xô xát, có lần chị Nh làm đơn ly hôn gửi Tòa án huyện Ninh Giang, nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ. Việc chị Nh làm đơn ly hôn anh Ph bà không được biết, quan điểm của gia đình không đồng ý vì hiện nay các con của anh Ph, chị Nh đã trưởng thành cần có gia đình ổn định. Do anh Phong thường xuyên đi làm, nên bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, và có trách nhiệm thông báo cho anh Ph biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh Ph biết, tuy nhiên do công việc nên anh Ph không đến Tòa án làm việc, anh Phong có quan điểm không đồng ý ly hôn.

Tòa án lấy lời khai của chị Phạm Thị Nh1 là chị gái của chị Nh xác định: Cuộc sống vợ chồng giữa anh Ph, chị Nh không có hạnh phúc, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Tại thời điểm nộp đơn ly hôn chị Nh có mặt tại Việt Nam, tuy nhiên do điều kiện phải đi làm ăn xa nên chị Nh đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho chị Nh1 nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, chị Nhẹ đã thông báo cho chị Nh biết, chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh Ph. Về con chung chị Nh có quan điểm tôn trọng ý kiến của con chung. Nếu con chung ở với anh Ph thì chị Nh có trách nhiệm cấp dưỡng tiền cho con theo quy định của pháp luật, trường hợp chị Nh được nuôi con thì chị không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc

giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để tiến hành lấy lời khai của anh Phong để làm rõ quan điểm giải quyết vụ án. Không phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Theo công văn số 2923/QLXNC-P5 ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh thể hiện chị Phạm Thị Nh xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 17/01/2020. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án chị Nh không có mặt tại Việt Nam, chị Nh có đơn xin ly hôn anh Ph sinh sống tại xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Anh Ph được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, Tòa án nhiều lần xuống gia đình anh Ph để lấy lời khai nhưng anh Ph không có nhà nên không thực hiện được. Đến phiên tòa lần thứ hai anh Ph vẫn vắng nên Hội đồng xét xử vắng mặt anh Ph. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Nh và anh Đỗ Đông Ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Hải Dương ngày 02/3/1993 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, thua lỗ trong làm ăn, anh Ph thường xuyên rượu chè, cờ bạc không quan tâm đến vợ con, nhiều lần anh Ph đánh chị Nh và phải nhờ sự hòa giải của chính quyền địa phương. Chị Nh đã từng làm đơn ly hôn gửi Tòa án huyện Ninh Giang, nhưng sau đó lại rút đơn về đoàn tụ tuy nhiên vợ chồng không có hạnh phúc. Thông qua bà H là mẹ anh Ph cho biết: Anh Ph có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị Nh, nhưng không thể hiện quan điểm, ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Bản thân anh Ph không có thiện chí, không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ lời khai của đương sự, quan điểm của địa phương và người thân gia đình anh Ph, HĐXX xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Ph chị Nh đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Nh ly hôn anh Ph là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Chị Nh, anh Ph có hai con chung là Đỗ Công Đ, sinh ngày 24/6/1994 và Đỗ Thu Ph, sinh ngày 28/01/2003. Đối với con chung Đỗ Công Đ đã đủ 18 tuổi, chị Nh không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Đối với con chung Đỗ Thu Ph có nguyện vọng được ở với mẹ, chị Nh có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên thực tế chị Nh không ở

Việt Nam, trong khi đó cháu Ph đang ở với anh Ph, được học tập phát triển toàn diện. Nên để đảm bảo ổn định chỗ ở, sinh hoạt, học tập và quyền lợi của con chung chưa thành niên, HĐXX xét thấy cần tiếp tục giao con chung là Đỗ Thu Ph cho anh Ph nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng cho con, mặc dù anh Ph không có ý kiến, quan điểm gì, còn chị Nh đồng ý cấp dưỡng cho con theo quy định. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của con chung, HĐXX cần buộc chị Nh phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con cùng anh Ph với số tiền 1.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, anh Ph không có quan điểm. Do vậy, HĐXX không đặt ra giải quyết. Sau này các đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản sẽ được Tòa án có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3].Về án phí: Chị Nh là nguyên đơn và phải cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Nh ly hôn anh Đỗ Đông Ph.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho anh Đỗ Đông Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Thu Ph, sinh ngày 28/01/2003. Chị Phạm Thị Nh có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con với số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, kể từ tháng 7/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh Ph có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nh không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì sẽ phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không ai được cản trở chị Phạm Thị Nh thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục dục con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự (về việc Hôn nhân gia đình) sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002081 ngày 02 tháng 3 năm 2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Phạm Thị Nh nộp thay).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đông Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị Phạm Thị Nh được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Hải Dương;
-Các đương sự;
-Cục THADS tỉnh Hải Dương;
-UBND xã Đ, N;
- Lưu hồ sơ, lưu VP, lưu Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Minh Tân